BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội

Căn cứ Nghị định số 02/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Quân đội Nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao thuộc Quân đội quản lý.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển bắn súng quân dụng Quân đội.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định lượng và mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Thông tư này được hưởng mức tiền ăn và tiền thực phẩm chức năng thường xuyên quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn, định lượng ăn thường xuyên của các đối tượng quy định

tại khoản 1 và 2 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Quy định bảo đảm, thực hiện

1. Các mức tiền ăn quy định tại Thông tư này được tính thống nhất giá gạo tám thơm là 21.000 đồng/kg. Trường hợp đơn vị phải mua gạo giá cao hơn quy định thì phần chênh lệch của hạ sĩ quan, binh sĩ được quyết toán; trường hợp giá mua gạo thấp hơn quy định, phần chênh lệch được bổ sung để mua thực phẩm bảo đảm ăn cho các đối tượng được hưởng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Thông tư này trong cùng một thời gian được hưởng nhiều mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thì chỉ được hưởng một mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng cao nhất. Riêng huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tham gia đội tuyển quốc gia vẫn được bảo đảm mức tiền ăn và tiền thực phẩm chức năng thường xuyên quy định tại Thông tư này.

3. Đối với huấn luyện viên, vận động viên bị chấn thương, trong thời gian điều trị và khi điều trị lành vết thương trở lại luyện tập được hưởng mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng như trước khi bị chấn thương; trường hợp thi đấu trở lại, nhưng không giữ được hạng, đẳng cấp thì theo điều kiện cụ thể Tổng Tham mưu trưởng xem xét, quyết định mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng đối với huấn luyện viên, vận động viên nhưng không được cao hơn mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng trước khi bị chấn thương.

4. Tiêu chuẩn tiền thực phẩm chức năng chỉ áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên; không áp dụng tiêu chuẩn tiền thực phẩm chức năng đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy thể dục, thể thao ở các học viện, nhà trường trong Quân đội và Trung tâm huấn luyện Miếu Môn thuộc Cục Quân huấn - Nhà trường Bộ Tổng Tham mưu.

5. Các đối tượng thuộc Quân đội quản lý đến công tác ở các trung tâm, đoàn, đội thể dục, thể thao, trong những ngày trực tiếp kiểm tra, huấn luyện, luyện tập cùng huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức tiền ăn như đối với huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, không được hưởng tiêu chuẩn tiền thực phẩm chức năng. Các đối tượng đến công tác phải nộp tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh theo quy định hiện hành cộng với tiền bù giá gạo (nếu có), phần chênh lệch được các trung tâm, đoàn, đội thể dục, thể thao bảo đảm và quyết toán.

6. Người hưởng lương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này nộp tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh theo quy định hiện hành cộng với tiền bù giá gạo (nếu có); phần chênh lệch được đơn vị bảo đảm và quyết toán. Các đối tượng thuộc hệ năng khiếu chưa biên chế chính thức được hưởng chế độ tiền ăn và tiền thực phẩm chức năng quy định tại Thông tư này, không phải nộp tiền.

7. Đối tượng phục vụ biên chế tại bếp ăn của các trung tâm, đoàn, đội thể dục, thể thao không được hưởng mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng quy định tại Thông tư này, mà được ăn thêm mức 15.000 đồng/người/ngày.

8. Thời gian, quân số bảo đảm

a) Thời gian, quân số bảo đảm thực hiện theo danh sách phê duyệt hoặc quyết định của Tổng Tham mưu trưởng;

b) Đối với vận động viên tập trung huấn luyện để tuyển chọn vào đội năng khiếu được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập, thời gian bảo đảm không quá 60 ngày;

c) Vận động viên nghiệp dư chưa đạt đẳng cấp được bảo đảm ăn theo thời gian quy định trong hợp đồng đào tạo, hợp đồng lao động.

9. Trường hợp đơn vị tiết kiệm được tiền chất đốt và gia vị theo tiêu chuẩn, định lượng quy định, số tiền này được bổ sung vào tiền ăn hàng ngày để mua thực phẩm cho bộ đội, không được sử dụng vào việc khác.

Điều 5. Nguồn kinh phí bảo đảm

Kinh phí bảo đảm thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư này được tính trong dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm của cơ quan, đơn vị và hạch toán theo Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước áp dụng trong Quân đội, như sau:

1. Tiền ăn của hạ sĩ quan, binh sĩ: Hạch toán vào Ngành 00, Mục 6400, Tiểu mục 6401, Tiết mục 20 “Tiền ăn thường xuyên của huấn luyện viên, vận động viên, giáo viên thể dục thể thao”.

2. Tiền ăn chênh lệch của người hưởng lương (kể cả hợp đồng): Hạch toán vào Ngành 00, Mục 6400, Tiểu mục 6401, Tiết mục 30 “Bù tiền ăn thường xuyên của huấn luyện viên, vận động viên, giáo viên thể dục thể thao”.

3. Tiền ăn thêm của đối tượng phục vụ và tiền thực phẩm chức năng: Hạch toán vào Ngành 00, Mục 6400, Tiểu mục 6401, Tiết mục 40 “Tiền ăn thêm làm nhiệm vụ”.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026

2. Thông tư số 164/2019/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội; Thông tư số 53/2022/TT-BQP ngày 18 tháng 7 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 164/2019/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn, tiền thực phẩm chức năng thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên và giáo viên thể dục, thể thao trong Quân đội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ trưởng BQP (để b/c);
- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng (06);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP (58);
- C29, C37, C55, C56;
- Cổng thông tin điện tử BQP;
- Lưu: VT, THBĐ.

Phụ lục I

MỨC TIỀN ĂN VÀ TIỀN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BQP ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày.

Đối tượng		Mức tiền ăn	Mức tiền thực phẩm chức năng
Mức 1	Huấn luyện viên, vận động viên các đội bóng thi đấu ở hạng cao nhất quốc gia; Vận động viên kiện tướng ở các môn thể thao khác đang được công nhận, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên kiện tướng.	145.000	29.000
Mức 2	Huấn luyện viên, vận động viên các đội bóng hạng A1 quốc gia và các đội bóng kế cận cho các đội bóng hạng cao nhất quốc gia; Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp 1 quốc gia được công nhận, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên dự bị kiện tướng và cấp 1 quốc gia; Vận động viên giành huy chương tại giải trẻ (từ 16 tuổi trở lên) nhưng chưa đạt đẳng cấp dự bị kiện tướng hoặc cấp 1 quốc gia.	129.000	26.000
Mức 3	Huấn luyện viên, vận động viên kế cận cho các đội bóng hạng A1 quốc gia; Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội năng khiếu thể thao được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập.	114.000	23.000
Mức 4	Vận động viên năng khiếu nghiệp dư thuộc các trung tâm, đoàn, đội thể thao được Tổng Tham mưu trưởng quyết định cho mở lớp đào tạo; Vận động viên tập trung huấn luyện để tuyển chọn vào đội năng khiếu được Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập; Vận động viên nghiệp dư chưa đạt đẳng cấp được công nhận (nếu đạt đẳng cấp thì được hưởng chế độ theo đẳng cấp được công nhận).	97.000	19.000
Mức 5	Giáo viên trực tiếp giảng dạy thể dục, thể thao ở các học viện, nhà trường trong Quân đội và Trung tâm huấn luyện Miếu Môn thuộc Cục Quân huấn - Nhà trường Bộ Tổng Tham mưu.	97.000	

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH LƯỢNG ĂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BQP ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4 và 5
1	Gạo tám thơm	gam	700	700	700	750
2	Thịt lợn xô lọc	gam	70	60	60	60
3	Thịt lợn nạc	gam	160	150	150	110
4	Thịt bò	gam	70	70	60	30
5	Thịt gia cầm	gam	150	130	120	130
6	Dầu, mỡ ăn	gam	25	20	20	20
7	Cá tươi	gam	150	140	110	110
8	Trứng	gam	100	100	50	25
9	Đậu phụ	gam	50	50	50	70
10	Vừng, lạc	gam	10	10	10	10
11	Rau xanh	gam	500	500	400	400
12	Nước mắm	ml	30	30	30	30
13	Muối iốt	gam	20	20	20	20
14	Mì chính	gam	2	2	2	2
15	Sữa tươi	ml	330	220	180	180
16	Hoa quả tươi	gam	400	350	250	200
17	Nước khoáng	ml	800	500	500	300
18	Chất đốt (so với tiền lương thực, thực phẩm)	%	4	4	4	4
19	Tiền gia vị (so với tiền lương thực, thực phẩm)	%	5	5	5	5
20	Tiền vệ sinh dụng cụ cấp dưỡng (so với tiền lương thực, thực phẩm)	%	0,35	0,35	0,35	0,35
	Năng lượng	Kcal	4.130	3.810	3.500	3.500